

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 09/2025
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 04/09/2025

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	30	40	(10)	11,810
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	-	41,780
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	20	20	-	29,330
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	50	30	20	36,380
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	30	30	-	12,200
6	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	100	50	50	-	49,600
7	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	40	40	-	99,750
8	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	40	40	-	70,880
9	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	-	76,800
10	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	64,880
11	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	-	32,630
12	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	-	201,750
13	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	40	10	77,850
14	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	100	50	50	-	35,530
15	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	30	30	-	16,650
16	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	-	81,280
17	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	40	30	10	57,300
18	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	-	61,220
19	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	20	30	(10)	10,650
20	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	-	20,000
21	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	30	20	10	25,030
22	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	36,600
23	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	-	73,730
24	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	40	50	(10)	59,700
25	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	-	42,750
26	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	20	30	(10)	21,530
27	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	40	40	-	50,330
28	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	100	30	30	-	111,750
29	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	-	76,350
30	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	-	108,690
31	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	30	20	45,000
32	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	-	41,250
33	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	-	18,680
34	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	40	40	-	30,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
35	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	-	57,300
36	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	-	148,200
37	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	40	40	-	63,000
38	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	50	-	73,130
39	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	-	46,200
40	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	-	151,500
41	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	-	50,640
42	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	-	28,170
43	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	100	50	50	-	25,000
44	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	40	40	-	63,530
45	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	34,320
46	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	40	40	-	55,050
47	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	30	50	(20)	25,430
48	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	-	67,350
49	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	40	40	-	111,000
50	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	30	30	-	30,230
51	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	-	21,000
52	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	-	15,000
53	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	-	16,000
54	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	30	30	-	14,775
55	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	-	55,500
56	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	-	135,130
57	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	100	50	50	-	160,000
58	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	-	47,690
59	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	-	102,000
60	GEE	Công ty cổ phần Điện lực Gelex	100	50	50	-	80,000
61	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	50	40	10	23,480
62	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	-	21,000
63	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	-	78,150
64	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	50	50	-	17,180
65	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	50	50	-	44,250
66	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	-	84,450
67	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	30	30	-	20,850
68	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	40	40	-	39,770
69	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	48,530
70	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	30	10	35,000
71	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	-	47,630
72	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	100	30	30	-	60,490
73	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	100	30	30	-	22,650
74	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	60	30	30	-	10,000
75	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	-	35,120

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
76	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	10	20	(10)	45,450
77	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	-	27,600
78	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	20	30	(10)	17,700
79	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	100	50	50	-	16,000
80	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	64,950
81	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	20	30	(10)	11,850
82	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	30	40	(10)	20,100
83	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	-	75,040
84	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	50	50	-	59,450
85	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	-	78,460
86	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	-	42,870
87	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	30	30	-	18,450
88	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	-	27,750
89	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	-	20,030
90	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	10	10	-	7,200
91	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	-	53,550
92	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	-	57,010
93	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	-	40,350
94	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	-	57,150
95	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	-	27,000
96	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	-	80,000
97	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	-	103,950
98	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	50	-	25,500
99	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	40	50	(10)	45,150
100	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy	100	30	30	-	32,030
101	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	-	149,260
102	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	-	117,000
103	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	50	50	-	22,880
104	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	40	50	(10)	63,450
105	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	-	66,450
106	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	50	50	-	32,030
107	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	40	40	-	28,880
108	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	-	90,450
109	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	-	21,830
110	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	40	50	(10)	32,030
111	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	40	50	(10)	47,100
112	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện I	100	50	50	-	41,850
113	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	-	20,000
114	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	-	50,250
115	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	20,630

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
116	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	37,280
117	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	-	61,070
118	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	30	30	-	8,490
119	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	-	83,250
120	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	30	30	-	40,350
121	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	-	45,570
122	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	-	127,200
123	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	19,560
124	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	40	40	-	42,900
125	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	40	40	-	15,380
126	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	-	27,660
127	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	-	10,050
128	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	-	97,350
129	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	51,300
130	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	-	26,850
131	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	-	96,750
132	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	-	13,350
133	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	-	68,700
134	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	50	50	-	7,000
135	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	-	44,250
136	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	30	40	(10)	36,680
137	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	20	20	-	12,840
138	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	-	98,100
139	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	15,680
140	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	-	15,000
141	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	37,650
142	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	100	50	50	-	88,050
143	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	-	50,000
144	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	-	285,450
145	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	50	40	10	33,360
146	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	-	20,000
147	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	-	53,630
148	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	-	83,250
149	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	50	40	10	37,650
150	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	40	40	-	52,200
151	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	-	69,830
152	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	-	58,500
153	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	40	50	(10)	30,830
154	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	-	45,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
155	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	50	50	-	66,070
156	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	-	28,880
157	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	-	78,300
158	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	100	40	40	-	43,050
159	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	40	40	-	29,250
160	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	-	32,400
161	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	-	10,400
162	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	-	100,650
163	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	50	50	-	101,250
164	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	20	20	-	53,030
165	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	50	50	-	34,430
166	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	-	20,000
167	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	-	96,900
168	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	50	-	26,080
169	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	-	64,950
170	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	-	72,600
171	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	40	30	10	37,500
172	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	-	90,750
173	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	40	40	-	42,600
174	VHC	Công ty Cổ phần Vinh Hoàn	100	50	50	-	83,550
175	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	-	147,150
176	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	-	35,400
177	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	40,000
178	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	50	40	10	19,650
179	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	-	12,000
180	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	50	50	-	88,890
181	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	-	33,680
182	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	-	88,050
183	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	-	53,930
184	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	50	50	-	40,000
185	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	-	45,000
186	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	30	50	(20)	46,700
187	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	50	-	100,000
188	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
189	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
190	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
191	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0
192	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
193	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
194	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
195	ADS	Công ty cổ phần Damsan	50	0			0
196	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
197	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
198	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
199	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	0	0			0
200	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0	0			0
201	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
202	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
203	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
204	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
205	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
206	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Cù Chi	0	0			0
207	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
208	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	50	0			0
209	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	0	0			0
210	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
211	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
212	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
213	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	50	0			0
214	CRE	Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	50	0			0
215	CTF	Công ty cổ phần City Auto	50	0			0
216	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
217	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
218	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	50	0			0
219	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
220	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	0			0
221	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
222	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
223	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
224	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	0	0			0
225	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	50	0			0
226	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
227	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
228	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	0			0
229	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
230	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	0	0			0
231	FCM	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
232	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
233	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
234	GIL	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	0	0			0
235	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
236	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
237	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
238	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
239	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
240	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
241	HID	Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam	0	0			0
242	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
243	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
244	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	0	0			0
245	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
246	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
247	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
248	HT1	Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	0	0			0
249	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
250	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	50	0			0
251	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
252	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
253	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0	0			0
254	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
255	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	0	0			0
256	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	0	0			0
257	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
258	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	50	0			0
259	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	0	0			0
260	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	50	0			0
261	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
262	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
263	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
264	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
265	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
266	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
267	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	50	0			0
268	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
269	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
270	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
271	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
272	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
273	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
274	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	0			0
275	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
276	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	0			0
277	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	0			0
278	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
279	NOI	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	50	0			0
280	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
281	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
282	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
283	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
284	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
285	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0
286	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
287	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
288	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	0			0
289	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
290	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	0			0
291	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0	0			0
292	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0
293	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	0	0			0
294	RYG	Công ty cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	50	0			0
295	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
296	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	50	0			0
297	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	0	0			0
298	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
299	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
300	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
301	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
302	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	50	0			0
303	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
304	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
305	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
306	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	50	0			0
307	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
308	SMA	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	0	0			0
309	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
310	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	0	0			0
311	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
312	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	50	0			0
313	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
314	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	0	0			0
315	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
316	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
317	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
318	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	50	0			0
319	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
320	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
321	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
322	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	0	0			0
323	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
324	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	50	0			0
325	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
326	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	50	0			0
327	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
328	TIX	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0	0			0
329	TLĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0
330	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
331	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
332	TN1	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
333	TNH	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	50	0			0
334	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
335	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
336	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	50	0			0
337	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
338	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
339	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
340	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
341	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
342	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
343	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
344	VMD	Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	0	0			0
345	VNG	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
346	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
347	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
348	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
349	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
350	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
351	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
352	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
353	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
354	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
355	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0
356	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
357	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
358	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
359	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
360	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	0	0			0
361	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
362	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
363	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
364	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
365	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
366	BNA	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc	50	0			0
367	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
368	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
369	BST	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bình Thuận	0	0			0
370	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
371	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
372	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
373	CAN	CTCP Đồ hộp Hạ Long	0	0			0
374	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
375	CAR	CTCP Tập đoàn Giáo dục Trí Việt	0	0			0
376	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
377	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
378	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
379	CJC	CTCP Cơ điện Miền Trung	0	0			0
380	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
381	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
382	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
383	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
384	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
385	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
386	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
387	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
388	CTP	Công ty cổ phần Hòa Bình Takara	0	0			0
389	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
390	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
391	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
392	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
393	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
394	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
395	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
396	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
397	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
398	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
399	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
400	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
401	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
402	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
403	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
404	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	50	0			0
405	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
406	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
407	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
408	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	50	0			0
409	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
410	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
411	GLT	CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	0	0			0
412	GMA	Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	0	0			0
413	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
414	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
415	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
416	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
417	HDA	CTCP Hãng sơn Đông Á	0	0			0
418	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
419	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
420	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
421	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
422	HLD	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	0	0			0
423	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
424	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
425	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
426	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	0	0			0
427	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
428	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
429	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
430	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	50	0			0
431	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
432	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
433	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
434	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
435	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
436	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
437	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
438	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
439	L14	Công ty CP LICOGI 14	50	0			0
440	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
441	L40	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	50	0			0
442	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	0			0
443	LBE	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	0	0			0
444	LCD	ctcp Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	0	0			0
445	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
446	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
447	MBG	CTCP Tập Đoàn MBG	0	0			0
448	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
449	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
450	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
451	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
452	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
453	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
454	MST	CTCP Đầu tư MST	50	0			0
455	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
456	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
457	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
458	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	50	0			0
459	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
460	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	50	0			0
461	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
462	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
463	NHC	CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp	0	0			0
464	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
465	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
466	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
467	ONE	CTCP Công nghệ ONE	0	0			0
468	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
469	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
470	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	50	0			0
471	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
472	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
473	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
474	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
475	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
476	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
477	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
478	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
479	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
480	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
481	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
482	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
483	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
484	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
485	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
486	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
487	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
488	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50	0			0
489	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
490	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
491	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
492	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
493	PTX	CTCP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
494	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
495	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
496	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	0	0			0
497	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
498	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
499	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
500	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
501	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
502	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
503	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
504	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
505	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
506	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
507	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
508	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
509	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
510	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
511	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
512	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
513	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
514	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	50	0			0
515	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
516	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
517	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
518	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
519	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
520	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
521	TBX	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	0	0			0
522	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
523	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
524	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
525	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
526	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
527	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
528	TKU	CTCP Công nghiệp Tungkuang	0	0			0
529	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
530	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
531	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
532	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
533	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
534	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
535	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
536	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
537	TVC	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	50	0			0
538	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
539	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
540	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 09/2025(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T09/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T09/2025	Tỷ lệ cho vay tháng T08/2025	Thay đổi	
541	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
542	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
543	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
544	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
545	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
546	VCM	CTCP BV LIFE	0	0			0
547	VDL	CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	0	0			0
548	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
549	VGP	CTCP Căng rau quả	0	0			0
550	VHE	Cô phiêu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
551	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
552	VIT	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN	0	0			0
553	VLA	CTCP Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang	0	0			0
554	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0
555	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
556	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
557	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
558	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
559	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
560	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
561	VTC	CTCP Viễn thông VTC	0	0			0
562	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
563	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
564	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0
565	X20	Công ty cổ phần X20	0	0			0